TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2026/HS - ST
Ngày 06/8/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Triệu Văn Mẫn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Viết Tác và bà Hoàng Thị Thu Hường

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hảo – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Hứa Thị Hồng và ông Trần Đức C – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 22/2026/TLST- HS ngày 04/6/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2026/QĐXXST- HS ngày 02/7/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2026/HSST-QĐ ngày 16/7/2026, đối với các bị cáo:

1. Lục Xuân K; sinh ngày 19 tháng 01 năm 1987; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006087002546, cấp ngày 13/5/2025; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Xuân K1 và bà Nông Thị V; vợ: Không; con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

2. Vy Hiệp M; sinh ngày 17 tháng 9 năm 1973; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 001073021508, cấp ngày 12/3/2022; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Phát T và bà Trần Thị Đ; vợ: Nông Thị S; con: 01 con (con lớn sinh 2009, con nhỏ sinh 2015); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 06/12/1993 bị Tòa án quân sự khu vực Quân khu thủ đô H8 xử phạt 12 tháng tù về

tội *"Đào ngũ"* và xử phạt 03 tháng tù về tội *"Trộm cắp tài sản của công dân"* theo Bản án số: 01 HS/ST, đã được xóa án tích; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

3. Vy Hiệp P3; sinh ngày 30 tháng 01 năm 1969; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006069003729, cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vy Quang T1 và bà Mã Thị N (đều đã chết); vợ: La Thị Q; con: 02 con (con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1994); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

4. Nông Văn D; sinh ngày 15 tháng 3 năm 1990; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006090005332, cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn Đ1 và bà Triệu Thị H; vợ: Không; con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

5. Liêu Đình T2; sinh ngày 04 tháng 2 năm 1972; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006072003462, cấp ngày 04/5/2021; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Liêu Đình N1 và bà Triệu Thị T3; vợ: Lường Thị B; con: 02 con (con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 1998); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

6. Liêu Đình H1; sinh ngày 25 tháng 9 năm 1973; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006073002615, cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Đình L và bà Hoàng Thị V1 (đều đã chết); vợ: Hoàng Thị N2; con: 02 con (con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2010); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

7. Liêu Đình T4; sinh ngày 23 tháng 12 năm 1982; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006082003605, cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái

Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Đình V2 (đã chết) và bà Nông Thị T5; vợ: Hạ Thanh C1; con: 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

8. Nguyễn Đức H2; sinh ngày 02 tháng 12 năm 1969; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006069002611, cấp ngày 04/5/2021; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên ; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/10; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T6 (đã chết) và bà Vi Thị C2; vợ: Nông Thị N3; con: 02 con (con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2008); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

9. Thạch Văn T7; sinh ngày 06 tháng 6 năm 1986; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006086003972, cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Thạch Văn H3 (đã chết) và bà Hoàng Thị U; vợ: Ma Thị B1; con: 02 con (con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2023); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

10. Liêu Đình P; sinh ngày 09 tháng 9 năm 1995; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006095005191, cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Đình C3 và bà Lục Thị H4; vợ: Không; con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

11. Nông Văn P1; sinh ngày 11 tháng 4 năm 1990; tại xã B, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006090005549, cấp ngày 09/5/2021; nơi cư trú: Thôn H, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn C4 và bà Nông Thị T8; vợ: Liêu Thị T9; con: 01 con (sinh năm 2018); tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

12. Liêu Đình M1; sinh ngày 30 tháng 11 năm 1998; tại xã C, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006098001938, cấp ngày 29/7/2024; nơi cư trú: Thôn B, xã C, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Liêu Đình H5 và con bà Hoàng Thị T10; vợ: Triệu Thị Q (đã ly hôn); con: 01 con; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

13. Lục Văn P2; sinh ngày 25 tháng 7 năm 1991; tại xã C, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006091003052, cấp ngày 15/8/2021; nơi cư trú: Thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn Đ, xã C, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lục Văn T11 và con bà Liêu Thị N4; vợ: Không; con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

14. Nông Văn Đ2; sinh ngày 11 tháng 8 năm 1985; tại xã Y, tỉnh Thái Nguyên; CCCD: 006085004456, cấp ngày 11/8/2021; nơi cư trú: Thôn M, xã Y, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn D, xã Y, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn D1 và con bà Liêu Thị N5; vợ: Không; con: Không; tiền án: Không; tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 02/02/2026 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Liêu Đình L1; sinh năm 1964; trú tại: Thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 20 phút ngày 12/01/2026, Công an xã B, tỉnh Thái Nguyên nhận được tin báo của quần chúng nhân dân về việc tại nhà ông Liêu Đình L1 thuộc thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên có một nhóm đối tượng đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Sau khi tiếp nhận nguồn tin, tổ công tác Công an xã B đã tiến hành xác minh, làm rõ có 14 (mười bốn) đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Lục Xuân K, Thạch Văn T7, Liêu Đình T2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Vy Hiệp M, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Vy Hiệp P, Nông Văn P1, Liêu Đình P cùng trú tại thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên; Liêu Đình M1, trú tại Thôn B,

xã C; tỉnh Thái Nguyên; Lục Văn P2, trú tại thôn N, xã C, tỉnh Thái Nguyên và Nông Văn Đ2, trú tại thôn M, xã Y, tỉnh Thái Nguyên.

Quá trình làm việc, tổ công tác phát hiện, thu giữ trên chiếu bạc gồm: 01 (một) chiếc chiếu nhựa kích thước 2m x 4m; 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng; 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) quân vị bằng tre (một mặt trắng, một mặt đen) và tổng số tiền 7.450.000 đồng. Ngoài ra, tổ công tác còn tạm giữ trên người các đối tượng tham gia đánh bạc một số đồ vật, tài sản khác. Tổ công tác đã tiến hành lập biên bản sự việc, niêm phong tang vật và đưa các đối tượng về trụ sở Công an xã B để xác minh, làm rõ.

Qua xác minh xác định có dấu hiệu tội phạm nên Công an xã B đã chuyển nguồn tin nêu trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T để giải quyết theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh T xác định được như sau: Ngày 12/01/2026, gia đình ông Liêu Đình L1, sinh năm 1964, trú tại thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên tổ chức liên hoan vào nhà mới (tân gia) nên có mời nhiều người quen đến ăn cơm, uống rượu từ buổi trưa kéo dài đến chiều tối. Sau khi ăn cơm trưa xong, một số người rủ nhau lên trên tầng thượng nhà ông L1 để tiếp tục uống rượu và hát Karaoke. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, các đối tượng gồm: Vy Hiệp P3, Vy Hiệp M, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Lục Xuân K và Nông Văn D rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa (Quá trình điều tra không xác định được ai là người khởi xướng) và được cả nhóm đồng ý. Sau đó, Lục Xuân K đi xuống bếp nhà ông L1 lấy 01 (một) chiếc bát, 01 (một) chiếc đĩa bằng sứ màu trắng và dùng dao cắt được 04 (bốn) mảnh tre thành hình vuông có kích thước 01cm x 01cm, sau đó dùng than củi bôi một mặt màu đen, mặt còn lại để trắng để làm quân vị sử dụng để đánh bạc.

Hình thức đánh bạc của vụ án là sử dụng 01 (một) bát sứ, 01 (một) đĩa sứ đựng 04 quân vị được làm bằng tre có một mặt màu đen, một mặt màu trắng, trong mỗi ván bạc người cầm cái xóc đĩa sẽ cầm bát, đĩa xóc quân vị lên để người chơi đặt tiền cược theo 02 (hai) cửa chẵn - lẻ. Việc xác định thắng tiền hay thua tiền dựa vào kết quả số quân vị cùng màu là chẵn hay lẻ, tỷ lệ thắng thua là 1:1. Người chơi đặt cửa thấp nhất là 50.000 đồng và không giới hạn mức cao nhất. Sau khi mọi người đặt cược xong, các con bạc cái sẽ cân đối số tiền đặt hai bên cửa C5 và Lẻ bằng nhau, nếu bên nào nhiều hơn (dư) thì người chơi tự thu số tiền dư về, sau đó mở bát ra để mọi người xem kết quả. Nếu số quân vị là "Lẻ" thì bên đặt cược lẻ thắng và ngược lại, người thắng sẽ tự lấy về số tiền gấp đôi số tiền mình đã đặt cược.

Trước khi đánh bạc, không ai thu và không ai phải nộp bất kỳ khoản tiền nào. Trong quá trình đánh bạc, Lục Xuân K là người xóc cái để K và V Pháp, Vy Hiệp M, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D cùng đánh bạc với

nhau. Một lúc sau, có thêm Lục Văn P2, Liêu Đình P, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình H1 đến và cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì tổ công tác Công an xã B phát hiện và khống chế được các đối tượng Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Vy Hiệp M, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1; còn Nông Văn P1, Liêu Đình P và Lục Văn P2 đã bỏ chạy. Sau đó, tổ công tác Công an xã B đã tiến hành kiểm tra, lập biên bản sự việc và tạm giữ các tang vật, cụ thể như sau:

- Thu giữ trên chiếu bạc: 01 (một) chiếc chiếu nhựa kích thước 2m x 4m; 01 (một) chiếc bát sứ màu trắng; 01 (một) chiếc đĩa sứ màu trắng; 04 (bốn) quân vị bằng tre (một mặt trắng, một mặt đen) và tổng số tiền 7.450.000 đồng.

- Tạm giữ trên người các đối tượng tham gia đánh bạc 10 (mười) chiếc điện thoại di động (các loại), đã qua sử dụng và tổng số tiền 3.479.000 đồng, cụ thể như sau:

+ Nông Văn D: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng và số tiền 30.000 đồng.

+ Nông Văn Đ2: 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam sung, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng.

+ Liêu Đình H1: 01 (một) điện thoại đi động, nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm hình cảm ứng, đã qua sử dụng và số tiền 150.000 đồng.

+ Nguyễn Đức H2: 01 (một) điện thoại đi động, loại bàn phím, màu đen, nhãn hiệu VIETTEL, đã qua sử dụng và số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

+ Lục Xuân K: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, màu đen, góc trái phía dưới màn hình bị vỡ, đã qua sử dụng và số tiền 21.000 đồng.

+ Liêu Đình M1: 01 (một) điện thoại đi động, nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại đi động, nhãn hiệu Iphone 6S Plus, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng và số tiền 2.012.000 đồng.

+ Vy Hiệp M: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu Masstel, loại bàn phím màu xanh, đã qua sử dụng.

+ Vy Hiệp P3: 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu OPPO, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng.

+ Liêu Đình T4: 01 (một) điện thoai di động, nhãn hiệu VIVO, loại màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng và số tiền 605.000 đồng.

+ Liêu Đình T2: Số tiền 511.000 đồng.

Ngày 13/01/2026, Cơ quan điều tra đã triệu tập Nông Văn P1, Liêu Đình P và Lục Văn P2 đến làm việc. Qua đấu tranh Nông Văn P1, Liêu Đình P và Lục Văn P2 đã thừa nhận được tham gia đánh bạc vào ngày 12/01/2026 tại nhà ông Liêu Đình L1.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo khai nhận như sau:

Bị cáo Lục Xuân K khai: Khoảng 11 giờ ngày 12/01/2026, K đến nhà ông Liêu Đình L1 để ăn mừng tân gia. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì có Vy Hiệp P, Vy Hiệp M, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D cùng rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa và K đồng ý. Sau đó, K xuống bếp của gia đình ông Liêu Đình L1 tìm lấy 01 (một) chiếc bát sứ, 01 (một) chiếc đĩa sứ và tự cắt 04 (bốn) quân vị bằng tre có kích thước khoảng 01cm, một mặt được bôi than củi thành màu đen, mặt còn lại để nguyên màu trắng. Trong quá trình đánh bạc, K là người xóc cái, do không mang theo tiền nên Khuyến xin của Vy Hiệp M và Nông Văn D mỗi người 100.000 đồng và xin của Vy Hiệp P số tiền 200.000 đồng để đặt cược nhưng thua hết. Một lúc sau, thì có thêm Lục Văn P2, Liêu Đình P, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình H1 đến và cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi cả nhóm đang đánh bạc thì bị tổ công tác Công an xã B phát hiện, lập biên bản, thu giữ toàn bộ tang vật sử dụng để đánh bạc.

Bị cáo Nông Văn Đ2 khai: Khoảng 17 giờ ngày 12/01/2026, Đ2 đến nhà ông Liêu Đình L1 để ăn mừng tân gia. Khi đi Đ2 có mang theo số tiền 3.800.000 đồng. Khi đến nhà ông L1, Đ2 đi lên sân thượng thì thấy một nhóm người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên đã cùng tham gia đặt cược với số tiền mỗi lượt từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, trong số những người tham gia đánh bạc Đ2 chỉ biết Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7. Quá trình đánh bạc, Đ2 cho T7 vay số tiền 1.000.000 đồng. Khi Đ2 đặt cược với nhà cái số tiền 500.000 đồng cuối cùng thì bị tổ công tác Công an xã B phát hiện, lập biên bản sự việc và mời về trụ sở cơ quan Công an xã để làm việc.

Bị cáo Liêu Đình T2 khai nhận: T2 đến nhà ông Liêu Đình L1 từ khoảng 17h ngày 12/01/2026, khi đi T2 mang theo số tiền hơn 400.000 đồng. Khi đến nhà ông L1, thấy trên sân thượng có mọi người đang hát Karaoke nên T2 đi lên thì thấy tại đây có một số người hát và một số người đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Sau đó, T2 tham gia đánh bạc được một lúc thì bị tổ công tác Công an xã B kiểm tra phát hiện, lập biên bản. Tại thời điểm kiểm tra trong người Thở có số tiền 511.000 đồng. Thở thừa nhận số tiền 7.450.000 đồng, cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc là tiền mọi người sử dụng để đánh bạc.

Bị cáo Vy Hiệp P3 khai: Pháp đến nhà ông Liêu Đình L1 ăn cỗ từ khoảng 10 giờ ngày 12/01/2026. Khi đi Pháp mang theo số tiền hơn 1.000.000 đồng. Sau khi

uống rượu và ăn cơm xong, P3 đi lên sân thượng tiếp tục uống rượu và hát cùng mọi người. Sau đó, thấy mọi người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thì P3 đồng ý và tham gia cùng. Trong quá trình đánh bạc, P3 thấy Lục Xuân K là người xóc đĩa, Pháp chỉ nhớ được tham gia đặt cược nhiều lượt nhưng không nhớ cụ thể số tiền đặt cửa của mỗi lượt là bao nhiêu. Khi tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra phát hiện và lập biên bản thì P3 đã thua hết số tiền mang theo.

Bị cáo Liêu Đình T4 khai: Khoảng 17 giờ ngày 12/01/2026, T4 đến nhà ông Liêu Đình L1 để ăn mừng tân gia, khi đi T4 mang theo số tiền 655.000 đồng. Khi đến nhà ông L1, T4 đi lên tầng thượng ngồi hát Karaoke cùng mọi người. Sau đó, thấy một số người tụ tập đánh bạc nên đã lấy ra số tiền 50.000 đồng, rồi nhờ Nông Đình D2 đặt cược một ván nhưng bị thua nên T4 không chơi nữa mà chỉ đứng xem mọi người đánh bạc. Một lúc sau thì tổ công tác Công an xã B vào kiểm tra, phát hiện, lập biên bản và tạm giữ trên người Thiên số tiền 605.000 đồng.

Bị cáo Nông Văn D khai: Diệm đến nhà ông Liêu Đình L1 ăn cỗ mừng tân gia từ khoảng 10 giờ 30 phút ngày 12/01/2026, khi đi D mang theo số tiền 430.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, D tiếp tục ngồi uống rượu và hát Karaoke cùng mọi người trên tầng thượng. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì một số người rủ nhau đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên D tham gia cùng. Trong quá trình đánh bạc, D thấy Lục Xuân K là người xóc cái. Diệm tham gia đặt cược khoảng 15 lần thì thua hết số tiền 700.000 đồng, bao gồm số tiền 400.000 đồng mang theo; số tiền 200.000 đồng, vay của Vy Hiệp M và số tiền 100.000 đồng xin của Lục Xuân K. Khi tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản thì trên người D chỉ còn số tiền 30.000 đồng.

Bị cáo Vy Hiệp M khai: M đến nhà ông Liêu Đình L1 ăn cỗ mừng tân gia từ khoảng 10 giờ ngày 12/01/2026. Khi đi M mang theo số tiền 500.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, M đến nhà anh N6 cùng thôn để hát. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, M quay lại nhà ông L1 thì thấy Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Liêu Đình P, Thạch Văn T7 và một số người nữa đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa ở tầng thượng nhà ông L1 nên M cùng tham gia đánh bạc cùng những người trên. Trong quá trình đánh bạc, Lục Xuân K là người cầm cái xóc đĩa. M tham gia đặt cược nhiều lần, mỗi lần đặt cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng và có cho Lục Xuân K số tiền 100.000 đồng. Khi thua hết số tiền mang theo, M ngồi xem mọi người đánh bạc, đến khoảng 19 giờ cùng ngày thì tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản và mời M về trụ sở Công an xã để làm việc.

Bị cáo Nguyễn Đức H2 khai: H2 đến nhà ông Liêu Đình L1 từ khoảng 18 giờ 30 phút ngày 12/01/2026. Khi đi H2 mang theo số tiền 200.000 đồng. Khi đến nhà ông L1, H2 đi lên tầng thượng để hát Karaoke thì thấy một số người đang tụ tập đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa do Lục Xuân K cầm cái xóc đĩa, còn Liêu Đình H1,

V Pháp, Liêu Đình T2, Liêu Đình T4 và một số người khác ngồi xung quanh nhưng không biết có tham gia đặt cược hay không. Sau đó, H2 lấy ra số tiền 200.000 đồng để cùng tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, H2 đặt cược ba lần, thắng một ván và thua hai ván. Khi cả nhóm đang đánh bạc thì tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản sự việc và tạm giữ của H2 số tiền 150.000 đồng. H2 khẳng định, nếu cơ quan Công an không phát hiện, lập biên bản thì H2 sẽ sử dụng số tiền trên để tiếp tục đánh bạc.

Bị cáo Liêu Đình M1 khai: Ngày 12/01/2026, M1 đến nhà ông Liêu Đình L1 ăn cỗ mừng tân gia, khi đi M1 mang theo số tiền hơn 2.000.000 đồng. Khi đến nhà ông L1, M1 đi lên tầng thượng thấy một nhóm người đang tụ tập đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa do Lục Xuân K là người cầm cái xóc đĩa nên M1 đã ngồi xuống tham gia đánh bạc cùng mọi người. Trong quá trình đánh bạc, lần thứ nhất M1 đặt cược số tiền 100.000 đồng thì thắng được, lần thứ hai M1 đặt số tiền 200.000 đồng thì bị thua nên M1 không chơi nữa và đứng xem mọi người đánh bạc. Một lúc sau thì tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản sự việc và tạm giữ của mẫn số tiền 2.000.000 đồng. Mẫn khẳng định, nếu không bị cơ quan Công an phát hiện, lập biên bản thì M1 cũng không sử dụng số tiền nêu trên để đánh bạc.

Bị cáo Liêu Đình H1 khai: H1 đến nhà ông Liêu Đình L1 từ khoảng 17 giờ ngày 12/01/2026 để ăn cỗ mừng tân gia, khi đi H1 mang theo số tiền 150.000 đồng. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, H1 đi lên tầng thượng nhà ông L1 thì thấy một số người gồm Vy Hiệp P3, Lục Xuân K, Nguyễn Đức H2, Vy Hiệp M, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Nông Văn P1 và một số người khác (H1 không biết tên) đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa. Lúc này, H1 thấy Nông Văn P1 đang thắng nên xin của P1 số tiền 50.000 đồng để đặt cược bên lẻ nhưng bị thua nên H1 không chơi nữa mà chỉ đứng xem mọi người đánh bạc. Khi cơ quan Công an đến kiểm tra, phát hiện, lập biên bản thì trên người H1 vẫn còn số tiền 150.000 đồng.

Bị cáo Nông Văn P1 khai: Phấn đến nhà ông Liêu Đình L1 từ khoảng 10 ngày 12/01/2026 để ăn cỗ mừng tân gia, khi đi P1 mang theo số tiền 250.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, P1 cùng một số người hát ở tầng thượng của nhà ông L1. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, khi thấy một số người gồm: Lục Xuân K, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T4, Liêu Đình T2, Nông Văn D, Vy Hiệp M, Liêu Đình H1, Vy Hiệp P, Liêu Đình P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình M1, Lục Văn P2 đang tụ tập đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên P1 cùng tham gia đánh bạc. Trong quá trình đánh bạc, K là người cầm cái xóc đĩa. Phấn tham gia đặt cược nhiều lượt nhưng không nhớ là thắng bao nhiêu ván cược và thua bao nhiêu ván cược. Lượt cược lần cuối Phấn đặt cược số tiền 50.000 đồng. chưa mở bát thì tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra, phát hiện nên P1 đã nhảy lên mái tôn khu vực bếp nhà ông L1 rồi nhảy

xuống đất và chạy về nhà. Sáng ngày 13/01/2026, khi được cơ quan Công an mời đến làm việc Phấn đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của bản thân vào ngày 12/01/2026.

Bị cáo Liêu Đình P khai: P đến nhà ông Liêu Đình L1 từ khoảng 15 giờ 30 phút ngày 12/01/2026 để ăn cỗ mừng tân gia. Sau khi ăn xong, khoảng 17 giờ 30 phút cùng ngày, P đi lên tầng thượng thì thấy một số người gồm: Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Nguyễn Đức H2, Thạch Văn T7, Liêu Đình H1, Nông Văn P1, Vy Hiệp M, Nông Văn Đ2 và một số người khác (P không biết tên) đang đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa, khi đó K là người cầm cái xóc đĩa. Sau đó, P cũng tham gia đánh bạc cùng những người trên. Khi tham gia đánh bạc, P có số tiền 150.000 đồng, P được đặt cược 03 lần mỗi lần số tiền 50.000 đồng thì thắng 02 (hai) lần được số tiền 100.000 đồng và thua 01 (một) lần mất số tiền 50.000 đồng. Khi tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra thì P đang đặt cửa lẻ số tiền 50.000 đồng và đặt trên chiếu là số tiền 150.000 đồng. Do hoảng sợ nên P đã nhảy ra ngoài mái tôn tầng một nhà ông L1, bỏ lại số tiền đã đặt cược và tiền để trên chiếu bạc và trốn về nhà. Sáng ngày 13/01/2026, khi được cơ quan Công an mời đến làm việc P đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của bản thân vào ngày 12/01/2026.

Bị cáo Thạch Văn T7 khai: Khoảng 11 giờ ngày 12/02/2026, T7 đến nhà ông Liêu Đình L1 để ăn cỗ mừng tân gia, khi đi T7 mang theo số tiền 250.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, T7 lên tầng thượng cùng một số người hát và uống rượu, khi thấy một số người tụ tập đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa thì T7 tham gia cùng. Khi tham gia đánh bạc, T7 thua hết số tiền 250.000 đồng mang theo nên đã vay của Nông Văn Đ2 tổng số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc nhưng cũng bị thua hết. Sau đó, T7 xin của một người không cùng tham gia đánh bạc (không nhớ rõ là ai) số tiền 100.000 đồng rồi đặt cược 03 (ba) lần mỗi lần đặt cược số tiền 50.000 đồng và thắng được 150.000 đồng. Khi tổ công tác Công an xã B đến kiểm tra, phát hiện thì T7 đang cầm trên tay số tiền 150.000 đồng, do hoảng sợ nên T7 đã ném số tiền trên xuống chiếu bạc. T7 thừa nhận số tiền 7.450.000 đồng cơ quan Công an thu giữ trên chiếu bạc là tiền mọi người dùng để đánh bạc.

Bị cáo Lục Văn P2 khai: P2 đến nhà ông L1 từ khoảng 11 giờ ngày 12/01/2026 để ăn cỗ mừng tân gia, khi đi P2 mang theo số tiền 176.000 đồng. Sau khi ăn cơm xong, P2 đi lên tầng thượng để hát và uống rượu cùng mọi người, Đến khoảng 18 giờ cùng ngày thì thấy một số người tụ tập đánh bạc bằng hình thức xóc đĩa nên P2 cũng tham gia đánh bạc cùng mọi người. Trong quá trình đánh bạc, Lục Xuân K là người cầm cái xóc đĩa. P2 đặt cược 06 (sáu) lượt, mỗi lượt đặt cược số tiền 50.000 đồng. Sau 02 (hai) lượt thắng được số tiền 100.000 đồng và 4 lượt thua mất số tiền 200.000 đồng, còn lại số tiền trong người là 76.000 đồng. Khi thấy cơ quan Công an

đến kiểm tra, P2 đã bỏ chạy về nhà. Sáng ngày 13/01/2026, khi được cơ quan Công an mời đến làm việc P2 đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh bạc của bản thân vào ngày 12/01/2026.

Ngày 14/01/2026, Cơ quan điều tra tiến hành khám nghiệm hiện trường các đối tượng thực hiện hành vi đánh bạc. Kết quả khám nghiệm phù hợp với lời khai của các đối tượng tham gia đánh bạc.

Như vậy, tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc trong vụ án này là 7.600.000 đồng, bao gồm: Số tiền 7.450.000 đồng thu trên chiếu bạc và 150.000 đồng thu giữ trên người bị cáo Nguyễn Đức H2 sẽ sử dụng để đánh bạc.

Trong quá trình điều tra bị cáo Vy Hiệp P3 tự nguyện nộp số tiền 5.000.000 đồng tại Phòng thi hành án Dân sự khu vực 7 – Thái Nguyên để đảm bảo việc thi hành án cho bị cáo. Các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Nông Văn P1, Liêu Đình M1, Liêu Đình P, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình T2 tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án Dân sự Khu vực 7 – Thái Nguyên để đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo. Các bị cáo Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Lục Văn P2 tự nguyện nộp số tiền 1.000.000 đồng tại Phòng Thi hành án Dân sự khu vực 7 – Thái Nguyên để đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo. Ngoài ra, bị cáo Thạch Văn T7 có bố đẻ là ông Thạch Văn H3 là người có công với cách mạng được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo Liêu Đình P trong quá trình tham gia nghĩa vụ quân sự có nhiều thành tích được cấp có thẩm quyền tặng thưởng giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ mới năm 2016 và đạt danh hiệu "Chiến sĩ tiên tiến" do hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2017; bị cáo Nông Văn P1 có bố đẻ là ông Nông Văn C4 trong quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng "Huy hiệu vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn" và được chủ tịch UBND huyện C (cũ), chủ tịch UBND xã Đ (cũ) và chủ tịch UBND xã B tặng thưởng nhiều giấy khen; bị cáo Vy Hiệp P3 trong quá trình công tác có nhiều thành tích được Chủ tịch UBND huyện C (cũ) tặng giấy khen; bị cáo Nguyễn Đức H2 có bố đẻ là ông Nguyễn Đức T6 và mẹ đẻ là bà Vi Thị C2 là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến và huy hiệu 60 năm tuổi Đảng; bị cáo Liêu Đình T4 trong quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được UBND xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (cũ) tặng giấy khen; bị cáo Liêu Đình T2 trong quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được chủ tịch UBND xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (cũ) và Đảng bộ xã B, tỉnh Thái Nguyên tặng nhiều giấy khen.

* Về vật chứng của vụ án gồm:

- 01 (một) bát được làm bằng sứ màu trắng, mặt bát có đường kính 11cm, chiều cao đến mặt bát 5,5cm; 01 (một) đĩa được làm bằng sứ màu trắng, mặt đĩa có đường kính 15cm, chiều cao đến mặt đĩa 3cm; 01 (một) chiếu nhựa có nhiều họa tiết vàng,

đỏ có kích thước 2m x 4m; 04 (bốn) quân vị được làm bằng tre một mặt đen, một mặt trắng có kích thước 1cm x 1cm.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, IMEI máy: IMEI1: 863348054535975, IMEI1: 863348054535967, bên trong lắp 02 (hai) thẻ sim số 0364.517.386 và số 0373.528.895, tạm giữ của Lục Xuân K.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel loại bàn phím số, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, IMEI1:351402865801826, IMEI2: 351402865801834, bên trong không có thẻ sim, tạm giữ của Vy Hiệp M.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại màn hình cảm ứng, ốp lưng màu xám, đã qua sử dụng, IMEI1:862774065227032: IMEI2: 862774065227024, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.672.859, tạm giữ của Vy Hiệp P.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màn hình cảm ứng, có ốp lưng màu xám đen, đã qua sử dụng, IMEI máy: IMEI1:350013886234953/01, IMEI2: 350013886234950/01, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.462.129, tạm giữ của Nông Văn Đ2.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, có ốp lưng màu đỏ, đã qua sử dụng, điện thoại bị hỏng không lên nguồn được, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0333.462.764, tạm giữ của Liêu Đình H1.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng có ốp lưng màu trắng, đã qua sử dụng, IMEI1:869989076885767, IMEI2: 869989076885775, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0363.025.838, tạm giữ của Nông Văn D.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO loại màn hình cảm ứng, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, IMEI1:866591055643259, IMEI1: 866591055643242, bên trong không có thẻ sim, tạm giữ của Liêu Đình T4.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màn hình cảm ứng, ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, số máy MKVX2LL/A, số sê ri C38QFWFPGRX2, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0865.701.984, tạm giữ của Liêu Đình M1.

- 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím số màu đen mang nhãn hiệu V3 đã qua sử dụng, IMEI1:350867446374199, IMEI1: 350867446374207, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0856.245.020, tạm giữ của Nguyễn Đức H2.

- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, ốp lưng màu tím, đã qua sử dụng, IMEI1:684307073846192, IMEI2: 684307073846184, bên trong không có thẻ sim, tạm giữ của Liêu Đình M1.

Tổng cộng: 14 (mười bốn) khoản, hiện đang được bảo quản tại Kho vật chứng số 2 Công an tỉnh T theo quy định.

- Đối với tổng số tiền 7.450.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc và tổng số tiền 3.479.000 đồng thu giữ trên người các đối tượng tham gia đánh bạc đang được gửi tại Phòng G – Kho bạc Nhà nước Khu vực 7, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

- Đối với số tiền các bị cáo tự nguyện nộp để đảm bảo việc thi hành án cho các bị cáo, hiện đang bảo quản tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Tại Bản cáo trạng số: 14/CT-VKSKV7 - TN ngày 03/6/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên đã truy tố các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 phạm tội "Đánh bạc".

* Về hình phạt đề nghị:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Xuân K từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là từ 18 tháng đến 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vy Hiệp M từ 12 tháng đến 15 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 30 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vy Hiệp P3 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Vy H6 Pháp từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình T4 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình H1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù,

cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình T2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình P từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thạch Văn T7 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn D từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn P1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình M1 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Văn P2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ2 từ 06 tháng đến 09 tháng tù,

cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Liêu Đình T4, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình P, Liêu Đình H1; Thạch Văn T7, Nông Văn D, Nông Văn P1 cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Liêu Đình M1, Lục Văn P2 cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nông Văn Đ2 cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

* Về xử lý vật chứng đề nghị: Áp dụng Điều 46; Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) bát được làm bằng sứ màu trắng; 01 (một) đĩa được làm bằng sứ màu trắng; 01 (một) chiếu nhựa có nhiều họa tiết vàng; 04 (bốn) quân vị được làm bằng tre;

- Trả lại cho bị cáo Lục Xuân K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, bên trong lắp 02 (hai) thẻ sim số 0364.517.386 và số 0373.528.895;
- Trả lại cho bị cáo Vy Hiệp M 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel, đã qua sử dụng, bên trong không có thẻ sim;
- Trả lại cho bị cáo V P (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.672.859;
- Trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.462.129;
- Trả lại cho bị cáo Liêu Đình H1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0333.462.764;
- Trả lại cho bị cáo Nông Văn D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0363.025.838;
- Trả lại cho bị cáo Liêu Đình T4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO, đã qua sử dụng, bên trong không có thẻ sim;
- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H2 01 (một) điện thoại di động, nhãn hiệu V3 đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0856.245.020;
- Trả lại cho bị cáo Liêu Đình M1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO, đã qua sử dụng, bên trong không có thẻ sim và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus, đã qua sử dụng, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0865.701.984;

Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước tổng số tiền 7.600.000 đồng, trong đó: Có 7.450.000 đồng thu giữ trên chiếu bạc và 150.000 đồng thu giữ trên người của bị cáo Nguyễn Đức H2 dùng để đánh bạc.

Trả lại số tiền 3.329.000 đồng thu giữ trên người của các bị cáo Nông Văn D, Liêu Đình H1, Lục Xuân K, Liêu Đình M1, Liêu Đình T4, Liêu Đình T2 không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại lần lượt cho các bị cáo, cụ thể: Trả lại cho bị cáo Nông Văn D 30.000 đồng, Liêu Đình H1 150.000 đồng; Lục Xuân K 21.000 đồng; Liêu Đình M1 2.012.000 đồng; Liêu Đình T4 605.000 đồng; Liêu Đình T2 511.000 đồng.

Tạm giữ các khoản tiền của các bị cáo tự nguyện nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh T để đảm bảo việc thi hành án, trong đó: Bị cáo Vy Hiệp P3 nộp số tiền 5.000.000 đồng; các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Nông Văn P1, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Liêu Đình P mỗi người nộp số tiền 2.000.000 đồng; các bị cáo Thạch Văn T7, Lục Văn P2, Nông Văn Đ2 mỗi người nộp số tiền 1.000.000 đồng.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc tất cả các bị cáo trong vụ án phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Liêu Đình L1 đề nghị không lấy lại các loại tài sản gồm: 01 chiếu, 01 bát, 01 đĩa bị tạm giữ trong vụ án.

Tại phiên toà các bị cáo đều khai nhận hành vi phạm tội như cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Các bị cáo nói đều lời sau cùng xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Vy Hiệp M, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu

Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 đều khai nhận hành vi phạm tội, lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó, có đủ cơ sở khẳng định: Trong khoảng thời gian từ 17 giờ đến 19 giờ 30 phút ngày 12/01/2026, tại nhà ông Liêu Đình L1 thuộc thôn Q, xã B, tỉnh Thái Nguyên cũ, nay là thôn R, xã B, tỉnh Thái Nguyên, các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Vy Hiệp M, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 đã thực hiện hành vi đánh bạc trái phép bằng hình thức xóc đĩa được thua bằng tiền thì bị Công án điều tra phát hiện. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc là 7.600.000 (trong đó có 7.450.000 đồng là tiền thu trên chiếu bạc và 150.000 đồng thu trên người bị cáo Nguyễn Đức H2 sẽ dùng để đánh bạc).

Hành vi đánh bạc của các bị cáo nêu trên đã cấu thành tội "*Đánh bạc*" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 – Thái Nguyên truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi các bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý công cộng, gây mất trật tự, an ninh tại địa phương. Các bị cáo đều là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình thực hiện là vi phạm pháp luật.

[4] Về vai trò các bị cáo trong vụ án: Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, bị cáo Lục Xuân K là người chuẩn bị công cụ, phương tiện và là người xóc cái cho việc đánh bạc nên xác định bị cáo là người thực hành đắc lực có vai trò thứ nhất. Các bị cáo khác đều là người thực hành cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội nên vai trò đồng phạm là ngang nhau. Từng bị cáo trong vụ án sẽ phải chịu mức hình phạt tương xứng với tính chất, vai trò tham gia của mình.

[5] Về nhân thân và tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo:

- Về nhân thân: Các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 tính đến ngày phạm tội này đều chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Vy Hiệp M, năm 1993 đã bị kết án về tội *"Đào ngũ"* và tội *"Trộm cắp tài sản công dân"* theo Bản án số: 01/HSST ngày 06/12/1993 của Tòa án quân sự khu vực Quân khu thủ đô Hà NộH8 nhưng đã được xóa án tích.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình

H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 đều không phải chịu tình tiết tăng nặng theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 tính đến thời điểm phạm tội này chưa từng bị kết án nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*. Riêng bị cáo Vy Hiệp M, mặc dù năm 1993 đã bị kết án về tội *"Đào ngũ"* và tội *"Trộm cắp tài sản công dân"* nhưng đã được xóa án tích thời gian dài, theo quy định tại khoản 9 Điều 2 Nghị quyết số 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao thì lần phạm tội này bị cáo Vy Hiệp M được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự *"phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng"*. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa tất cả các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Như vậy, tất cả các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 đều được hưởng hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Ngoài ra, bị cáo Thạch Văn T7 có bố đẻ là ông Thạch Văn H3 được tặng thưởng Huy chương chiến sĩ vẻ vang; bị cáo Nguyễn Đức H2 có bố đẻ là ông Nguyễn Đức T6 và mẹ đẻ là bà Vi Thị C2 là người có công với cách mạng được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến; bị cáo Liêu Đình P trong quá trình tham gia nghĩa vụ quân sự được tặng thưởng giấy khen hoàn thành tốt nhiệm vụ huấn luyện chiến sĩ mới năm 2016 và đạt danh hiệu *"Chiến sĩ tiên tiến"* do hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2017; bị cáo Nông Văn P1 có bố đẻ là ông Nông Văn C4 được Chủ tịch UBND tỉnh B tặng "Huy hiệu vì sự nghiệp phát triển tỉnh Bắc Kạn" và được chủ tịch UBND huyện C (cũ), chủ tịch UBND xã Đ (cũ) và chủ tịch UBND xã B tặng thưởng nhiều giấy khen; bị cáo Vy Hiệp P3 trong quá trình công tác có nhiều thành tích được Chủ tịch UBND huyện C (cũ) tặng giấy khen; bị cáo Liêu Đình T4 trong quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được UBND xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (cũ) tặng giấy khen; bị cáo Liêu Đình T2 trong quá trình công tác có nhiều thành tích xuất sắc được chủ tịch UBND xã R, huyện C, tỉnh Bắc Kạn (cũ) và Đảng bộ xã B, tỉnh Thái Nguyên tặng nhiều giấy khen nên đều được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Về hình phạt:

- Hình phạt chính: Từ những nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo Lục Xuân K, Vi Hiệp M2, Vy Hiệp P, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 đều có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có nơi cư trú rõ ràng, số tiền dùng vào việc đánh bạc không lớn. Đối chiếu với hướng dẫn của Nghị quyết số: 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đươc sửa đổi bổ sung bởi Nghị quyết số: 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự về "*Án treo"* thì tất cả các bị cáo đều đảm bảo đủ điều kiện để xử phạt tù, cho hưởng án treo. Do đó, xét thấy không cần thiết phải cách ly các bị cáo khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù, cho hưởng án treo, giao các bị cáo cho chính quyền địa phương nơi các bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cũng đảm bảo việc giáo dục, cải tạo các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Hội đồng xét xử sẽ cất nhắc, xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và vai trò tham gia của từng bị cáo để áp dụng mức hình phạt tưng xứng đối với hành vi từng bị cáo trong vụ án.

- Hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 321 Bộ luật hình sự, thì ngoài hình phạt chính người phạm tội còn có thể bị bổ sung là phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng. Tuy nhiên, xét thấy các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Nông Văn P1, Liêu Đình P, Lục Văn P2 đều là lao động tự do, không có công việc tạo ra thu nhập ổn định, không có tài sản riêng có giá trị. Do đó, không xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với tất cả các bị cáo nêu trên.

Riêng bị cáo Vy Hiệp P3 là người có thu nhập ổn định từ hưởng lương nghỉ hưu, có tài sản có giá trị và đang có khoản tiền 5.000.000 đồng nộp tại Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án nên xác định bị cáo có khả năng để thi hành hình phạt bổ sung. Do đó, cần xử phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P3.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 (một) bát được làm bằng sứ màu trắng, mặt bát có đường kính 11cm, chiều cao đến mặt bát 5,5cm; 01 (một) đĩa được làm bằng sứ màu trắng, mặt đĩa có đường kính 15cm, chiều cao đến mặt đĩa 3cm; 01 (một) chiếu nhựa có nhiều họa tiết vàng, đỏ có kích thước 2m x 4m; 04 (bốn) quân vị được làm bằng tre một mặt đen, một mặt trắng có kích thước 1cm x 1cm được các bị cáo sử dụng để đánh bạc. Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định tất cả những đồ vật trên đều thuộc sở hữu của gia đình ông Liêu Đình L1, ông L1 đại diện hộ gia đình có ý kiến không có yêu cầu lấy lại những đồ

vật trên. Do vậy, xác định các đồ vật trên đều là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội, không có giá trị cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, IMEI máy: IMEI1:863348054535975, IMEI1:863348054535967, bên trong lắp 02 (hai) thẻ sim số 0364.517.386 và số 0373.528.895 tạm giữ của Lục Xuân K là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo K, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo K.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel loại bàn phím số, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, IMEI1:351402865801826, IMEI2: 351402865801834, bên trong không có thẻ sim tạm giữ của Vy Hiệp M là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo M không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo M.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại màn hình cảm ứng, ốp lưng màu xám, đã qua sử dụng, IMEI1:862774065227032: IMEI2: 862774065227024, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.672.859 tạm giữ của Vy Hiệp P3 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo P3 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo P3.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màn hình cảm ứng, có ốp lưng màu xám đen, đã qua sử dụng, IMEI máy: IMEI1:350013886234953/01, IMEI2: 350013886234950/01, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.462.129 tạm giữ của Nông Văn Đ2 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Đ2, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo Đ2.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, có ốp lưng màu đỏ, đã qua sử dụng, điện thoại bị hỏng không lên nguồn được, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0333.462.764 tạm giữ của Liêu Đình H1 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo H1, không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo H1.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng có ốp lưng màu trắng, đã qua sử dụng, IMEI1:869989076885767, IMEI2: 869989076885775, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0363.025.838 tạm giữ của Nông Văn D là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo D không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo D.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO loại màn hình cảm ứng, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, IMEI1:866591055643259, IMEI1: 866591055643242, bên trong không có thẻ sim tạm giữ của Liêu Đình T4 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo T4 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo T4

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màn hình cảm ứng, ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, số máy MKVX2LL/A, số sê ri C38QFWFPGRX2, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0865.701.984 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, ốp lưng màu tím, đã qua sử dụng, IMEI1:684307073846192, IMEI2: 684307073846184, bên trong không có thẻ sim tạm giữ của Liêu Đình M1 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo M1 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo M1.

Đối với 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím số màu đen mang nhãn hiệu V3 đã qua sử dụng, IMEI1:350867446374199, IMEI1: 350867446374207, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0856.245.020 tạm giữ của Nguyễn Đức H2 là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo H2 không liên quan đến hành vi phạm tội cần trả lại bị cáo H2

- Đối với số tiền 7.450.000 đồng thu trên chiếu bạc xác định là tiền dùng vào việc phạm tội, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với số tiền 3.479.000 đồng thu giữ trên người các bị cáo Nguyễn Đức H2, Nông Văn D, Liêu Đình H1, Lục Xuân K, Liêu Đình M1, Liêu Đình T4, Liêu Đình T2, trong đó: Có 150.000 đồng của bị cáo Nguyễn Đức H2 sẽ sử dụng để đánh bạc, xác định là tiền dùng vào việc phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. Số tiền còn lại là 3.329.000 đồng thu giữ của các bị cáo Nông Văn D, Liêu Đình H1, Lục Xuân K, Liêu Đình M1, Liêu Đình T4, Liêu Đình T2, xác định không liên quan đến hành vi phạm tội, cần trả lại lần lượt cho các bị cáo gồm: Bị cáo Nông Văn D 30.000 đồng; bị cáo Liêu Đình H1 150.000 đồng; bị cáo Lục Xuân K 21.000 đồng; bị cáo Liêu Đình M1 2.012.000 đồng; bị cáo Liêu Đình T4 605.000 đồng; bị cáo Liêu Đình T2 511.000 đồng.

Đối với các khoản tiền của các bị cáo tự nguyện nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên để thi hành án cần tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án cho các bị cáo, cụ thể: Tạm giữ của bị cáo Vy H6 Pháp số tiền 5.000.000 đồng; tạm giữ của các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Nông Văn P1, Liêu Đình H1, Nguyễn Đức H2, Liêu Đình T4, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Liêu Đình M1, Liêu Đình P mỗi người là 2.000.000 đồng; tạm giữ của các bị cáo Thạch Văn T7, Nông Văn Đ2, Lục Văn P2 mỗi người là 1.000.000 đồng.

[8] Trong vụ án này còn có ông Liêu Văn L2 (chủ nhà nơi xảy ra việc đánh bạc) và các thành viên trong hộ gia đình ông L2, qua các tài liệu được thu thập trong quá trình điều tra và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa xác định: Ông L2 và người trong gia đình không biết, không tham gia đánh bạc và không liên quan đến hành vi

đánh bạc của các bị cáo. Do đó, không có căn cứ để xem xét xử lý ông L2 và những người trong gia đình.

[9] Về án phí: Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Liêu Đình H1, Liêu Đình T4, Nguyễn Đức H2, Thạch Văn T7, Liêu Đình P, Nông Văn P1, Liêu Đình M1, Lục Văn P2, Nông Văn Đ2 phải chịu tiền án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Liêu Đình H1, Liêu Đình T4, Nguyễn Đức H2, Thạch Văn T7, Liêu Đình P, Nông Văn P1, Liêu Đình M1, Lục Văn P2, Nông Văn Đ2 phạm tội *"Đánh bạc"*.

[1] Về hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Xuân K 09 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vy Hiệp M 12 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vy Hiệp P3 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Hình phạt bổ sung: Phạt tiền bị cáo Vy Hiệp P3 số tiền 10.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn D 07 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình T2 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình H1 07 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình T4 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức H2 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Thạch Văn T7 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình P 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn P1 06 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Liêu Đình M1 07 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lục Văn P2 07 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nông Văn Đ2 07 tháng tù, cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 14 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Liêu Đình H1, Liêu Đình T4, Nguyễn Đức H2, Thạch Văn T7, Liêu Đình P, Nông Văn P1 cho Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Liêu Đình M1, Lục Văn P2 cho Ủy ban nhân dân xã C, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Giao bị cáo Nông Văn Đ2 cho Ủy ban nhân dân xã Y, tỉnh Thái Nguyên giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 87 Luật Thi hành án hình sự năm 2025.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

[2] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a điểm b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, điểm b, điểm c khoản 2; điểm b khoản 3 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 (một) bát được làm bằng sứ màu trắng, mặt bát có đường kính 11cm, chiều cao đến mặt bát 5,5cm; 01 (một) đĩa được làm bằng sứ màu trắng, mặt đĩa có đường kính 15cm, chiều cao đến mặt đĩa 3cm; 01 (một) chiếu nhựa có nhiều họa tiết vàng, đỏ có kích thước 2m x 4m; 04 (bốn) quân vị được làm bằng tre một mặt đen, một mặt trắng có kích thước 1cm x 1cm.

Trả lại cho bị cáo Lục Xuân K 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, IMEI máy: IMEI1: 863348054535975, IMEI1: 863348054535967, bên trong lắp 02 (hai) thẻ sim số 0364.517.386 và số 0373.528895;

Trả lại cho bị cáo Vy Hiệp M 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Masstel loại bàn phím số, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, IMEI1: 351402865801826, IMEI2: 351402865801834, bên trong không có thẻ sim;

Trả lại cho bị cáo V P (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO loại màn hình cảm ứng, ốp lưng màu xám, đã qua sử dụng, IMEI1: 862774065227032: IMEI2: 862774065227024, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.672.859;

Trả lại cho bị cáo Nông Văn Đ2 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Sam Sung màn hình cảm ứng, có ốp lưng màu xám đen, đã qua sử dụng, IMEI máy: IMEI1: 350013886234953/01, IMEI2: 350013886234950/01, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0387.462.129;

Trả lại cho bị cáo Liêu Đình H1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, có ốp lưng màu đỏ, đã qua sử dụng, điện thoại bị hỏng không lên nguồn được, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0333.462.764;

Trả lại cho bị cáo Nông Văn D 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO màn hình cảm ứng có ốp lưng màu trắng, đã qua sử dụng, IMEI1: 869989076885767, IMEI2: 869989076885775, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0363.025.838;

Trả lại cho bị cáo Liêu Đình T4 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu VIVO loại màn hình cảm ứng, ốp lưng màu xanh, đã qua sử dụng, IMEI1: 866591055643259, IMEI1: 866591055643242;

Trả lại cho bị cáo Liêu Đình M1 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S Plus màn hình cảm ứng, ốp lưng màu đen, đã qua sử dụng, số máy MKVX2LL/A, số sê ri C38QFWFPGRX2, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0865.701.984 và 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màn hình cảm ứng, ốp lưng màu tím, đã qua sử

dụng, IMEI1: 684307073846192, IMEI2: 684307073846184, bên trong không có thẻ sim;

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức H2 01 (một) điện thoại di động, loại bàn phím số màu đen mang nhãn hiệu V3 đã qua sử dụng, IMEI1: 350867446374199, IMEI1: 350867446374207, bên trong lắp 01 thẻ sim số 0856.245.020.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 7.600.000 đồng, trong đó: Có số tiền 7.450.000 đồng thu trên chiếu bạc và 150.000 đồng thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức H2. *(Toàn bộ số tiền theo Ủy nhiệm chi giữa Công an tỉnh T và Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên lập ngày 25/6/2026).*

- Trả lại cho các bị cáo Nông Văn D, Liêu Đình H1, Lục Xuân K, Liêu Đình M1, Liêu Đình T4, Liêu Đình T2 tổng số tiền 3.329.000 đồng, trong đó lần lượt từng bị cáo được trả lại như sau: Bị cáo Nông Văn D 30.000 đồng; bị cáo Liêu Đình H1 150.000 đồng; bị cáo Lục Xuân K 21.000 đồng; bị cáo Liêu Đình M1 2.012.000 đồng; bị cáo Liêu Đình T4 605.000 đồng; bị cáo Liêu Đình T2 511.000 đồng. *(Toàn bộ số tiền theo Ủy nhiệm chi giữa Công an tỉnh T và Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên lập ngày 25/6/2026).*

* Tạm giữ của các bị cáo các khoản tiền nộp tại Thi hành án Dân sự tỉnh Thái Nguyên để đảm bảo việc thi hành án, cụ thể:

Tạm giữ của bị cáo Vy Hiệp P3 số tiền 5.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000277 ngày 23/3/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Lục Xuân K số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000369 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Vy Hiệp M số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000368 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Nông Văn P1 số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000352 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Liêu Đình H1 số tiền 2.000.000 đồngtheo Biên lai thu tiền số: 0000351 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Nguyễn Đức H2 số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000363 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Liêu Đình T4 số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000376 ngày 13/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Nông Văn D số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000364 ngày 10/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T ;

Tạm giữ của bị cáo Liêu Đình T2 số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000349 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Liêu Đình M1 số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000425 ngày 21/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Liêu Đình P số tiền 2.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000353 ngày 08/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Thạch Văn T7 số tiền 1.000.000 đồngtheo Biên lai thu tiền số: 0000356 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Nông Văn Đ2 số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000355 ngày 09/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

Tạm giữ của bị cáo Lục Văn P2 số tiền 1.000.000 đồng theo Biên lai thu tiền số: 0000433 ngày 23/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh T;

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Lục Xuân K, Vy Hiệp M, Vy Hiệp P, Nông Văn D, Liêu Đình T2, Liêu Đình H1, Liêu Đình T4, Nguyễn Đức H2, Thạch Văn T7, Liêu Đình P, Nông Văn P1, Liêu Đình M1, Lục Văn P2, Nông Văn Đ2 mỗi người phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 4, Điều 6, Điều 7 và Điều 36 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự".

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự. Các bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKS tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND khu vực 7 -TN;
- Công tỉnh Thái Nguyên;
- THADS tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã Bạch Thông;
- UBND xã Chợ Đồn;
- UBND xã Yên Phong;

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Triệu Văn Mẫn

- Người tham gia tt;
- Lưu hồ sơ.